TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đông
2. Ông Lê Văn Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoàng L, sinh năm 1976; Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị Ngô Thị Thu H có mặt, anh Phạm Hoàng L vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2018, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ngô Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Phạm Hoàng L quen biết, tìm hiểu và tự nguyên tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre và

được cấp giấy chứng nhận ngày 27/11/2010. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và về kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên cãi nhau và do anh L cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2016 đến nay. Quá trình ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Hoàng L.

Trong thời gian chung sống, chị và anh L có 01 con chung tên Phạm Khánh H, sinh ngày 17/02/2012. Hiện tại, cháu H đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đối với vấn đề cấp dưỡng cho con, trước đây trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng nay chị nhận thấy đủ khả năng nuôi cháu H nên chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do bị đơn là anh Phạm Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thu H đối với anh Phạm Hoàng L, cụ thể: Về hôn nhân chị H được ly hôn với anh L. Về con chung: Sau khi ly hôn chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Căn cứ vào có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Ngô Thị Thu H với anh Phạm Hoàng L thì vụ án có quan hệ tranh chấp về ”*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M.

Anh Phạm Hoàng L có nơi cư trú tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh Phạm Hoàng L đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng anh Phạm Hoàng L vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh Phạm Hoàng L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Hoàng L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu H và anh Phạm Hoàng L tự nguyên tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh Phạm Hoàng L được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh chị có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H trình bày thì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng anh chị đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin ly hôn với anh Phạm Hoàng L.

Sau khi Toà án thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải giao cho anh Phạm Hoàng L biết để anh đến Toà án tham gia phiên hoà giải với chị H, nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, nhưng anh Phạm Hoàng L không đến, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị H điều đó chứng tỏ anh Phạm Hoàng L cũng không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ với chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị là có thật, đời sống chung không thể kéo dài , mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân – Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Phạm Hoàng L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh Phạm Hoàng L có 01 con chung tên là Phạm Khánh H, sinh ngày 17/02/2012. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh Phạm Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu H đang sống với chị H. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của các cháu được phát triển ổn định nên cần giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày chị và anh Phạm Hoàng L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thu H, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Hoàng L.

2. Về con chung: Chị Ngô Thị Thu H được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Khánh H, sinh ngày 17/02/2012.

Ghi nhận chị Ngô Thị Thu H không yêu cầu anh Phạm Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hoàng L được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị Thu H trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Ngô Thị Thu H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014766 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân